

Bản án số: 24 /2018/HNGĐ-PT

Ngày: 30- 11 -2018

Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản chung

NHÂN DÔNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngô.

Ông Lê Thanh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sạch-Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2018/TLPT-HNGĐ 12-11- 2018, về việc “*Trông chấp hôn nhân và gia đình*”

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm 57/2018/HNGĐ-ST, ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện x, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 208/2018/QĐ-PT ngày 13-11-2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà NĐ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số xxx, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn: Ông BĐ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số 93/2 ấp X, xã K, huyện x, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà LQ, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện x, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông BĐ là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27-7-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà NĐ trình bày: Bà kết hôn với ông BĐ vào ngày 17-1-2008 trên tinh thần tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà có 03 người con chung là: Cháu C1, sinh ngày 21-7-2008; Cháu C2, sinh ngày 05-6-2011; Cháu C3, sinh ngày 16-11-2013. Cả 03 cháu hiện nay đang sống với cha. Về tài sản chung: Vợ chồng bà có 05 chỉ vàng 24k, 9,8 tuổi đã cho chị chồng là bà LQ mượn. Về nợ

chung: Không nợ ai không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do không cùng chung quan điểm sống. Chồng bà thường xuyên uống rượu, chửi bà bằng lời lẽ thô tục... Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc nên vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với BĐ. Về con chung: Bà đồng ý để BĐ nuôi hai C1 và cháu C2. Bà xin nuôi cháu C3 và không yêu cầu BĐ cấp dưỡng nuôi con do bà có đủ điều kiện về thu nhập, chỗ ở để nuôi con đến khi trưởng thành. Về tài sản chung: Bà thống nhất ý kiến của BĐ về việc BĐ sẽ trả cho bà 02 chỉ vàng 24k, 9,8 tuổi trong số vàng chung. Đồng thời không yêu cầu bà LQ trả nữa. Việc BĐ cho rằng gia đình BĐ đã trả cho vợ chồng bà 02 chỉ vàng là không đúng. Do BĐ nhận nên BĐ có trách nhiệm đối với số vàng chung đó. Về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông BĐ trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của NĐ về đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung là đúng. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do NĐ đã bỏ nhà đi hơn một năm nay. Ý kiến của ông đối với yêu cầu của NĐ như sau: Về hôn nhân ông đồng ý ly hôn với NĐ. Về con chung: Nếu ly hôn thì ông xin nuôi cả ba cháu C1, Cháu C2, cháu C3 vì ông không muốn các con ông sống xa nhau và không cần NĐ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung gia đình ông có mượn của vợ chồng 04 chỉ vàng 24k 9,8 tuổi nhưng đã trả 02 chỉ khoảng 03 năm trước. Nay ông đồng ý trả cho NĐ 02 chỉ vàng 24k 9,8 tuổi. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà LQ trình bày: Bà không mượn vàng của vợ chồng NĐ, BĐ nên tôi không đồng ý trả theo yêu cầu của NĐ.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện x, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 57/2018/HNGĐ-ST, ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện x, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 244; Điều 273; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 38, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu của bà NĐ về việc yêu cầu bà LQ trả cho vợ chồng bà 05 chỉ vàng 24k 9,8 tuổi.

- Chấp nhận yêu cầu của bà NĐ. Bà NĐ được ly hôn với ông BĐ.

- Về con chung:

Bà NĐ được quyền nuôi cháu C3 (Giới tính nữ), sinh ngày 16-11-2013 đến khi đủ 18 tuổi. Ông BĐ có trách nhiệm giao cháu C3 cho NĐ trực tiếp nuôi dưỡng theo quyết định của bản án.

Ông BĐ được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C1 (Giới tính nữ), sinh ngày 21-7-2008 và cháu C2 (Giới tính nữ) sinh ngày 05-6-2011 đến khi đủ 18 tuổi.

NĐ và BĐ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: NĐ và BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Ông BĐ có nghĩa vụ trả cho bà NĐ 02 chỉ vàng 24k, 9,8 tuổi.

- Về nợ chung: Do bà NĐ và ông BĐ trình bày không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 15-10-2018, bị đơn ông BĐ nộp đơn kháng cáo một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 57/2018/HNGĐ-ST, ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện x, tỉnh Sóc Trăng. Theo đơn kháng cáo, ông BĐ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cháu C3, sinh ngày 16-11-2013 cho ông trực tiếp nuôi dưỡng. Lý do của việc kháng cáo: Ông không đồng tình với bản án sơ thẩm về việc giao cháu C3 cho NĐ do NĐ đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2017 để lại 03 đứa con cho ông nuôi đến nay.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu theo đơn kháng cáo và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Xét Đơn kháng cáo ngày 15-10-2018 của bị đơn BĐ nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện X vào ngày 15-10-2018 là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo. Đồng thời, bị đơn BĐ đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Do đó, đơn kháng cáo của bị đơn BĐ là hợp lệ, đúng theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Theo Đơn kháng cáo ngày 15-10-2018, bị đơn BĐ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại về vấn đề con chung là cháu C3

nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần giải quyết về con chung là C3 của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 57/2018/HNGĐ-ST, ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện x, tỉnh Sóc Trăng, còn các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Về mối quan hệ tranh chấp: Cấp sơ thẩm xác định “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” là chưa đầy đủ nên cấp phúc thẩm bổ sung quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung”.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn BĐ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cháu C3, sinh ngày 16-11-2013 cho BĐ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi tròn 18 tuổi và không yêu cầu NĐ cấp dưỡng cho con chung: Xét thấy trong quá trình chung sống giữa BĐ và NĐ có 03 người con chung là cháu C1, sinh ngày 21-7-2008; Cháu C2, sinh ngày 05-6-2011; Cháu C3, sinh ngày 16-11-2013 cả 03 cháu hiện nay đang sống với BĐ. Tại biên bản lấy khai ngày 23-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện X thể hiện C1 và C2 đều có nguyện vọng được sống chung với cha nên cấp sơ thẩm giao hai cháu C1, C2 cho BĐ trực tiếp nuôi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với C3 hiện nay khoảng 05 tuổi cũng đang do BĐ trực tiếp nuôi. Xét thấy, để cho BĐ nuôi hết 03 người con trong tuổi ăn học là một gánh nặng điều này BĐ cũng thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm, trong khi với thiên chức của người mẹ, nếu giao 01 cháu cho NĐ trực tiếp nuôi thì bà sẽ chia sẻ trách nhiệm nuôi con, chăm sóc con cùng ông Tấn, giúp các con được sống trong môi trường tốt nhất về điều kiện sống, học tập, vui chơi, giải trí, đảm bảo về điều kiện vật chất, tinh thần cho các con phát triển toàn diện, lành mạnh. Do vậy, cấp sơ thẩm quyết định giao C3 cho NĐ trực tiếp nuôi là có xem xét điều kiện, hoàn cảnh của NĐ là có thu nhập và có chỗ ở ổn định, đồng thời đảm bảo tính công bằng về quyền trực tiếp nuôi con chung. C3 là con gái, NĐ sẽ chăm sóc con gái tốt hơn và đến tuổi trưởng thành sẽ có nhiều vấn đề mà chỉ người mẹ mới thấu hiểu và chia sẻ. Do đó kháng cáo của bị đơn BĐ là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn BĐ và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ như đã phân tích ở mục [4].

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông BĐ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét lại và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông BĐ. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 57/2018/HNGĐ-ST, ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện x, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 244; Điều 273; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 38, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu của bà NĐ về việc yêu cầu bà LQ trả cho vợ chồng bà 05 chỉ vàng 24k vàng 9,8 tuổi.

- Chấp nhận yêu cầu của bà NĐ. Bà NĐ được ly hôn với ông BĐ.

- Về con chung:

Bà NĐ được quyền nuôi cháu C3 (Giới tính nữ), sinh ngày 16-11-2013 đến khi đủ 18 tuổi. Ông BĐ có trách nhiệm giao cháu C3 cho NĐ trực tiếp nuôi dưỡng theo quyết định của bản án.

Ông BĐ được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C1 (Giới tính nữ), sinh ngày 21-7-2008 và cháu C2 (Giới tính nữ) sinh ngày 05-6-2011 đến khi đủ 18 tuổi.

Bà NĐ và ông BĐ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà NĐ và ông BĐ không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Ông BĐ có nghĩa vụ trả cho bà NĐ 02 chỉ vàng 24k, vàng 9,8 tuổi.

- Về nợ chung: Do bà NĐ và ông BĐ trình bày không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

* Về án phí sơ thẩm:

- Bà NĐ phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm (chia tài sản chung) là 347.200 đồng (ba trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm đồng). Sau khi khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004134 ngày 27/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện x, tỉnh Sóc Trăng, như vậy NĐ còn phải nộp thêm án phí là 347.200 đồng

- Ông BĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (chia tài sản chung) là 347.200đ (ba trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm đồng).

* Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông BĐ phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004318 đề ngày 15-10-2018 của

Chi cục thi hành án dân sự huyện x, tỉnh Sóc Trăng. Ông BĐ đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- VKSND huyện X;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

đã ký

Tăng Thị Thúy Nga